TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 379/2024/HC-PT
Ngày: 24/9/2024
V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 211/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh trong lĩnh vực quản lý đất đai*". Do Bản án Hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1829/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần T, sinh năm: 1953. Địa chỉ: tổ A, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Văn T1 - Văn phòng luật sư Phạm Nguyễn - Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt.

- Người bị kiện:

+ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (UBND) thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

+ Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền cho người bị kiện: Ông Nguyễn Minh L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Thế P - Nhân viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức T2 - Công chức địa chính - Xây dựng phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1954. Địa chỉ: tổ A, khối T phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Bà Trần Thị P1: sinh năm 1980. Địa chỉ: số A C, phường M, C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1982. Địa chỉ: tổ A, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Ông Trần Văn N, sinh năm 1983. Địa chỉ: tổ A, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Ông Trần Văn T3, sinh năm 1986. Địa chỉ: tổ A, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Mỹ H1, sinh năm 1990. Địa chỉ: số C N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trần T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trần T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện thể hiện:

Hộ gia đình ông T khai hoang diện tích 2.495 m² đất tại thửa số 6, tờ bản đồ số 35 (theo hồ sơ đo mới VN.2000), địa chỉ: khối T (nay là khối T), phường C, thành phố H vào năm 1975 và quản lý, sử dụng từ năm 1980. Ông trồng cây dương liễu, sau đó bị một số người dân đốn củi nên ông trồng lại lứa khác. Thực hiện Dự

án Khu R và Spa Marriott H, gia đình ông có diện tích đất bị thu hồi; đối với phần đất thấp trồng khoai thì gia đình ông đã được bồi thường, hỗ trợ, ông đồng ý, không có ý kiến gì; đối với phần đất cao, có trồng dương liễu (trên diện tích 2.495 m² này) thì đến đầu năm 2018, Công ty Cổ phần P2 đã tiến hành rào chắn bao quanh khu vực để thực hiện dự án nhưng không đề cập gì đến việc hỗ trợ, bồi thường cho gia đình ông.

Tháng 8/2018, ông T có làm đơn đề nghị UBND thành phố H cung cấp thông tin và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 2.495 m² nói trên. Ngày 03/10/2018, ông T nhận được Công văn số 3142/UBND ngày 13/9/2018 của UBND thành phố H về việc trả lời đơn của công dân. Theo đó, UBND thành phố H trả lời không giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất này vì lý do ông T "*không có đăng ký kê khai đất qua 03 thời kỳ đo đạc, hiện trạng là đất trống, đất dốc hoang hóa*...".

Ông T không đồng ý với Công văn số 3142/UBND ngày 13/9/2018 của UBND thành phố H, ngày 18/11/2018, ông T làm đơn khiếu nại công văn nêu trên.

Tuy nhiên, khi thời hạn giải quyết khiếu nại (30 ngày) đã hết nhưng UBND thành phố H mới chỉ đạo phòng T tiến hành xác minh một số nội dung khiếu nại (theo Biên bản làm việc tại phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H ngày 27/11/2018) và tiến hành đối thoại vào ngày 15/01/2019. Đến ngày 17/02/2019, ông T nhận được giấy mời đến UBND phường C vào ngày 19/02/2019 để nhận Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H. Ngày 19/02/2019, ông T và vợ là bà Đặng Thị H đến UBND phường C, ông bà được nghe công bố nội dung quyết định, có cầm quyết định nhưng do bức xúc vì không thỏa mãn với nội dung quyết định nên ông T chửi bới, còn bà H thì vò nát quyết định và ném lại trụ sở UBND phường C, thành phố H.

Sau đó, ông T đã nhiều lần yêu cầu UBND thành phố H cũng như gửi đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 2.495 m² nêu trên nhưng ông không đồng ý cách giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố H; cán bộ tiếp dân có hướng dẫn khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Q hoặc khởi kiện tại Toà án.

Ông T cho rằng nội dung Công văn số 3142/UBND ngày 13/9/2018 của UBND thành phố H về việc trả lại đơn của công dân là không có căn cứ; việc ông không được nhận Quyết định giải quyết khiếu nại số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H cũng như việc UBND thành phố H không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 2.495 m² nêu trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông và gia đình ông. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Chủ tịch UBND thành phố H giao Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần T;

- Hủy Công văn số 3142/UBND ngày 13/9/2018 của UBND thành phố H về việc trả lời đơn công dân;

- Buộc UBND thành phố H thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần T đối với thửa đất bị thu hồi có diện tích 2.495 m^2, thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: khối T (nay khối Thịnh M), phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Đối với yêu cầu buộc Chủ tịch UBND thành phố H giao Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H: Ngày 19/02/2019, UBND phường C đã tổ chức việc công bố và trao Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 cho ông Trần Thao . Tuy nhiên, tại buổi làm việc ông Trần T đã cầm quyết định nhưng ném lại và bỏ ra về. Sau đó, UBND phường C tiến hành niêm yết công khai Quyết định số 182/QĐ-UBND nêu trên tại Khu thiết chế văn hóa khối T (thời gian niêm yết từ ngày 19/02/2019, đến ngày 11/3/2019 kết thúc niêm yết). Như vậy, ông Trần T đã biết, đã cầm quyết định này nhưng không đem về. Đến tháng 5/2020, ông Trần T có đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết là không có cơ sở. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi

kiện vụ án đã hết; đề nghị Tòa án áp dụng điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đình chỉ giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố H thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần T đối với thửa đất bị thu hồi có diện tích 2.495 m², thuộc thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35 theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu huỷ Công văn số 3142/UBND ngày 13/9/2018 của UBND thành phố H về việc trả lời đơn công dân: Ông Trần T có đơn đề nghị cung cấp thông tin đất đai và thực hiện bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ gia đình ông đối với diện tích đất 2.495 m² được gia đình ông khoanh vùng 02 thửa đất trong lòng dự án khu R và Spa Marriott H. Ngày 13/9/2018, UBND thành phố ban hành Công văn số 3142/UBND về việc trả lời đơn công dân, theo đó, căn cứ hồ sơ kê khai đất đai qua 03 thời kỳ, hộ gia đình ông không có kê khai, đăng ký và hiện trạng là đất trống, đồi dốc hoang hóa. Do vậy, việc ông T đề nghị Nhà nước bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất trên là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Không đồng ý với nội dung trả lời của UBND thành phố tại Công văn số 3142/UBND ngày 13/9/2018, ông T khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần T, thường trú tại khối T, phường C, thành phố H (lần đầu). Theo đó, Chủ tịch UBND thành phố không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Trần T với nội dung yêu cầu UBND thành phố phải thực hiện đền bù, bồi thường bằng tiền cho ông với diện tích 2.495 m², loại đất trồng câu lâu năm và giao cho hộ ông 01 lô đất ở có diện tích tối thiểu 100 m² không thu tiền sử dụng đất hoặc thu tiền sử dụng đất theo giá đất tái định cư. Đối với yêu cầu khởi kiện này đã được Chủ tịch UBND thành phố xem xét, giải quyết dứt điểm tại Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019.

Vì vậy, người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thao .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm: Thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thao . Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định*:**

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc:

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H giao Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần T;

- Hủy Công văn số 3142/UBND ngày 13/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc trả lời đơn công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần T đối với thửa đất bị thu hồi có diện tích 2.495 m^2, thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 35, địa chỉ: khối T (nay khối Thịnh M), phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/6/2024, người khởi kiện ông Trần T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của Người kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét đối với thửa đất bị thu hồi có diện tích 2.495 m^2, thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 35, gia đình ông T khai hoang đã trồng dương liễu trên đất nhưng khi thu hồi không có quyết định thu hồi, không có quyết định bồi thường, không có văn bản áp giá, kiểm kê, không cho đối thoại… các trình tự thủ tục không đúng theo quy định nên đề nghị HĐXX xem xét hủy Bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Luật tố tụng Hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] **Về thủ tục:**

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đối tượng, thẩm quyền và còn thời hiệu theo quy định tại các Điều 3, 32 và 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] **Xét kháng cáo:**

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H giao Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019:

Ngày 29/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần T, thường trú tại khối T, phường C, thành phố H (lần đầu). Theo đó, Chủ tịch UBND thành phố H không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Trần T với yêu cầu UBND thành phố phải thực hiện đền bù, bồi thường bằng tiền cho ông với diện tích 2.495m², loại đất trồng câu lâu năm và giao cho hộ ông 01 lô đất ở có diện tích tối thiểu 100 m² không thu tiền sử dụng đất hoặc thu tiền sử dụng đất theo giá đất tái định cư. Ngày 19/02/2019, UBND phường C đã phối hợp với các ngành chức năng tiến hành công bố và giao quyết định cho ông Trần Thao . Sau khi công bố quyết định, ông Trần T và bà Đặng Thị H (vợ ông T) đã nhận, làm nhàu và vứt quyết định lại tại UBND phường C. Sự việc nêu trên đã được UBND phường C lập biên bản và vợ chồng ông Trần T thừa nhận. Đồng thời, UBND phường C tiến hành niêm yết quyết định nêu trên tại khu thiết chế khối phố T (nay là T) phường C. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc buộc Chủ tịch UBND thành phố H giao Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H là có cơ sở.

[2.2]. Đối với yêu cầu huỷ Công văn số 3142/UBND ngày 13/9/2018 của UBND thành phố H; buộc UBND thành phố H bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần T đối với thửa đất bị thu hồi có diện tích 2.495 m^2, thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 35:

[2.2.1]. Các đương sự đều thừa nhận, diện tích đất 2.495 m² (1.624 m² + 871 m²) nằm trong phạm vi đất đã được giao và cấp Giấy chứng nhận cho Công ty Cổ phần P2 để thực hiện dự án Khu D và Spa Marriot H, và không thuộc diện tích đất đã thực hiện việc thu hồi, bồi thường cho hộ ông Trần T theo Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 của UBND thành phố H với số tiền là 75.595.000 đồng, thực nhận là 80.595.000 đồng (trong đó có tiền khen thưởng cho hộ gia đình là 5.000.000 đồng) và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thi công công trình.

[2.2.2]. Diện tích đất 2495 m², theo hồ sơ 299/TTg, là một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 385, tờ bản đồ số 03, bản đồ và sổ mục kê không thể hiện diện tích, bản đồ thể hiện loại đất: Cc (đất cồn cát, đất cồn cát là đất do Nhà nước quản lý); theo hồ sơ 64/CP, là một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 07, diện tích 228210 m² đất rừng trồng (RT), sổ mục kê thể hiện: UBND xã quản lý (UBND xã C); theo V.2000, đây là một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 35, diện tích 44867,7 m² đất bằng chưa sử dụng (BCS), sổ mục kê thể hiện: UBND phường.

[2.2.3]. Ông Trần T thừa nhận ông không có kê khai, đăng ký đối với diện tích đất 2495 m². Ngày 01/8/2008, UBND tỉnh Q có Quyết định số 2539/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần P2 để xây dựng Khu dịch vụ du lịch tại phường C, thành phố H và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 858403 cho Công ty Cổ phần P2. Theo giấy xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 21/3/2024 của UBND phường C, thành phố H thể hiện: Về nguồn gốc diện tích đất 2495 m² do Nhà nước quản lý; tại thời điểm trước khi san lấp mặt bằng là khu đất trống, không có vật kiến trúc và cây trồng.

[2.2.4]. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc huỷ Công văn số 3142/UBND ngày 13/9/2018 của UBND thành phố H về việc trả lời đơn công dân; buộc UBND thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần T đối với thửa đất bị thu hồi có diện tích 2.495 m^2, thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 35 là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích tại mục [2], tại phiên tòa phúc thẩm không có tài liệu chứng cứ nào mới HĐXX phúc thẩm bác kháng cáo Bản án sơ thẩm của người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn theo quy định tai Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; hị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo được miễn theo quy định.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Dung